

Số : 153/TB-QLDAĐT-HT

Gia Lâm, ngày 01 tháng 6 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã Gia Lâm về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 85 hộ gia đình, cá nhân tại thôn Trung Dương để thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm**

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Nghị định 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Văn bản số 555/UBND-NNMT ngày 06/02/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn Thành phố;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm;*

*Căn cứ văn bản số 977/STNMT-ĐBĐVT ngày 06/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn định vị mốc ranh giới khu đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy*

hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Biên bản bàn giao mốc giới tại thực địa để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 03/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Kế hoạch thu hồi đất thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm;

Để tiến hành các thủ tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, Ban Quản lý dự án Đầu tư - Hạ tầng xã Gia Lâm tổ chức niêm yết công khai Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã Gia Lâm với nội dung sau:

**1. Thời gian niêm yết:** Từ ngày 01/6/2026 đến hết ngày 10/6/2026.

**2. Địa điểm niêm yết:** - Trụ sở UBND xã Gia Lâm (Số 3 phố Thuận An)  
- Nhà văn hóa thôn Trung Dương

**3. Nội dung và hình thức công khai niêm yết:**

- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND xã Gia Lâm Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã Gia Lâm.

- Gửi Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã Gia Lâm đến các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi và các hộ dân có tài sản trên đất.

- Niêm yết công khai Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của UBND xã Gia Lâm tại địa điểm theo quy định.

Ban Quản lý dự án Đầu tư - Hạ tầng xã Gia Lâm thông báo để toàn thể nhân dân và các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản trên đất bị thu hồi đến các địa điểm niêm yết để kiểm tra. Nếu có ý kiến, kiến nghị trực hoặc kiến nghị bằng văn bản gửi đến Tổ công tác GPMB thực hiện Dự án để tổng hợp báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xem xét trả lời theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng BT, HT & TĐC (để báo cáo);
- Thành viên TCT GPMB (để thực hiện);
- Đài phát thanh thôn Trung Dương (để thông báo);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Đoàn**

Số: 1839/QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày 28 tháng 5 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 85 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất tại thôn Trung Dương, xã Gia Lâm để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiều Ky, huyện Gia Lâm

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIA LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở; Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành đơn giá xây dựng mới về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính bồi thường thiệt hại cho các đối tượng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 19/2026/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;



Căn cứ Văn bản số 555/UBND-NNMT ngày 06/02/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ về phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 02/4/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 2461/TB-SNNMT ngày 31/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về Mức giá tối đa làm cơ sở tính bồi thường, hỗ trợ cho từng nhóm cây trồng, vật nuôi là thủy sản không di chuyển được khi Nhà nước thu hồi đất năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm;

Căn cứ văn bản số 977/STNMT-ĐDBĐVT ngày 06/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn định vị mốc ranh giới khu đất phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Biên bản bàn giao mốc giới tại thực địa để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 03/7/2024;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 08/10/2025 của UBND huyện Gia Lâm về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 của UBND xã Gia Lâm về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND xã Gia Lâm về việc ủy quyền cho ông Mai Ngọc Sơn – Phó Chủ tịch UBND xã thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm ngày 28/5/2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 329/TTr-KT ngày 28/5/2026,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 85 hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất tại thôn Trung Dương, xã Gia Lâm để thực hiện dự án: Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất theo quy hoạch khu chức năng CCKO1 thuộc quy hoạch chi tiết hai bên tuyến đường 179, xã Kiêu Kỳ, huyện Gia Lâm, bao gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 8.199,3 m<sup>2</sup>.
2. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 10.005.251.160 đồng.
3. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ (Có phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ kèm theo).

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Gia Lâm có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Gia Lâm niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án tại trụ sở UBND xã Gia Lâm, điểm sinh hoạt cộng đồng dân cư nơi có đất bị thu hồi và gửi Quyết định cho chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi.

2. Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Gia Lâm thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt theo quy định.

3. Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thu hồi có trách nhiệm bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND Xã, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư – hạ tầng xã Gia Lâm; Thuế cơ sở 12 thành phố Hà Nội; Phòng giao dịch số 7 – Kho bạc Nhà nước Khu vực I; các đơn vị, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Đ/c Chủ tịch UBND Xã (để b/c);
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Ngọc Sơn**

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ**

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án Giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất ô quy hoạch chức năng CCK01 thuộc quy hoạch chi tiết hai tầng hai bên tuyến đường 179, xã Kiêu Kỳ, huyện Gia Lâm

(Kèm theo Quyết định số: 1839/QĐ-UBND ngày 28/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Gia Lâm)

Số TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )			Tiền bồi thường, hỗ trợ điện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất			Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác			Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đ)	Chị chú
			Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi là thú sản (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)	Thưởng tiến độ (đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Hộ gia đình bà Chu Thị Mai và những người thừa kế hợp pháp của bà Chu Thị Mai	Thôn Trung Dương	104,5	104,5	0,0	16.197.500	0	1.191.300	80.987.500	41.832.000	1.045.000	141.253.300		
2	Hộ gia đình bà Đặng Thị Hình	Thôn Trung Dương	46	46	0,0	7.130.000	0	524.400	35.650.000	41.832.000	460.000	85.596.400		
3	Bà Đình Thị Mẫu	Thôn Trung Dương	173	173	0,0	26.815.000	0		134.075.000	2.988.000	1.730.000	165.608.000		
4	Hộ gia đình ông Đàm Đình Hùng và những người thừa kế hợp pháp của ông Đàm Đình Hùng	Thôn Trung Dương	67,2	67,2	0,0	10.416.000	0	766.080	52.080.000	35.856.000	672.000	99.790.080		
5	Hộ gia đình ông Đỗ Văn Thế	Thôn Trung Dương	163	163	0,0	25.265.000	0	1.858.200	126.325.000	35.856.000	1.630.000	190.934.200		
6	Ông Hoàng Hải Triều	Thôn Trung Dương	131,4	131,4	0,0	20.367.000	0		101.835.000	5.976.000	1.314.000	129.492.000		
7	Hộ gia đình bà Hoàng Thị Huyền	Thôn Trung Dương	9,2	9,1	0,1	1.410.500	0		7.052.500	35.856.000	91.000	44.410.000		
8	Hộ gia đình bà Hoàng Thị Lưu	Thôn Trung Dương	120,2	120,2	0,0	18.631.000	0	1.370.280	93.155.000	23.904.000	1.202.000	138.262.280		
9	Hộ gia đình ông Hoàng Văn Bình và những người thừa kế hợp pháp của ông Hoàng Văn Bình	Thôn Trung Dương	22,1	21,4	0,7	3.317.000	0	243.960	16.585.000	13.446.000	214.000	33.805.960		
10	Hộ gia đình ông Hoàng Văn Đồng và những người thừa kế hợp pháp của ông Hoàng Văn Đồng	Thôn Trung Dương	28,8	28,8	0,0	4.464.000	0	328.320	22.320.000	53.784.000	288.000	81.184.320		
11	Hộ gia đình ông Hoàng Văn Thương	Thôn Trung Dương	115	115	0,0	17.825.000	0	1.311.000	89.125.000	41.832.000	1.150.000	151.243.000		
12	Hộ gia đình ông Kiều Bình Lợi	Thôn Trung Dương	116	116	0,0	31.000.000	0		155.000.000	71.712.000	2.000.000	259.712.000		
13	Hộ gia đình bà Kiều Thị Cục	Thôn Trung Dương	85,4	85,4	0,0	13.237.000	0	973.560	66.185.000	7.470.000	854.000	89.719.560		
14	Hộ gia đình ông Lê Hoài Nam	Thôn Trung Dương	37,7	37,7	0,0	5.843.500	0		29.217.500	41.832.000	377.000	77.270.000		
15	Hộ gia đình bà La Thị Chiêu và những người thừa kế hợp pháp của bà La Thị Chiêu	Thôn Trung Dương	106,3	106,3	0,0	16.476.500	0		82.382.500	53.784.000	1.063.000	153.706.000		
16	Hộ gia đình bà La Thị Huệ	Thôn Trung Dương	26,1	26,1	0,0	4.045.500	0		20.227.500	53.784.000	261.000	78.318.000		
17	Hộ gia đình bà La Thị Nhâm	Thôn Trung Dương	48	48	0,0	7.440.000	0	547.200	37.200.000	29.880.000	480.000	75.547.200		
18	Hộ gia đình bà La Thị Nhãn	Thôn Trung Dương	116	116	0,0	21.064.500	0	1.322.400	105.322.500	11.952.000	1.359.000	141.020.400		
19	Hộ gia đình bà La Thị Sâm	Thôn Trung Dương	19,9	19,9	0,0	1.612.000	0	118.560	8.060.000	29.880.000	104.000	39.774.560		
20	Hộ gia đình bà La Thị Tươi	Thôn Trung Dương	1,6	1,6	0,0	248.000	0	18.240	1.240.000	17.928.000	16.000	19.450.240		

Số TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )			Tiền bồi thường, hỗ trợ di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất		Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác			Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đ)	Ghi chú
			Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )		Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi là thủy sản (đ)		Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)	Thưởng tiền độ (đ)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
21	Hộ gia đình bà Lê Thị và những người thừa kế hợp pháp của bà Lê Thị Thị	Thôn Trung Dương	203	203	0,0	31.465.000	0		157.325.000	38.844.000	2.030.000	229.664.000		
22	Hộ gia đình ông Lê Văn Lập	Thôn Trung Dương	40,2	40,2	0,0	6.231.000	0		31.155.000	41.832.000	402.000	79.620.000		
23	Hộ gia đình ông Lê Văn Định và những người thừa kế hợp pháp của ông Lê Văn	Thôn Trung Dương	107,1	107,1	0,0	17.329.000	0	1.274.520	86.645.000	20.916.000	1.118.000	127.282.520		
24	Ông Lê Xuân Lợi	Thôn Trung Dương	22,9	22,9	0,0	3.549.500	0	261.060	17.747.500	5.976.000	229.000	27.763.060		
25	Hộ gia đình ông Lê Xuân Quát	Thôn Trung Dương	59,5	59,5	0,0	9.222.500	0	678.300	46.112.500	29.880.000	595.000	86.488.300		
26	Hộ gia đình ông Lê Đức Trường	Thôn Trung Dương	82,7	82,7	0,0	12.818.500	0	942.780	64.092.500	11.952.000	827.000	90.632.780		
27	Hộ gia đình ông Lê Văn Khánh	Thôn Trung Dương	116	116	0,0	17.980.000	0	1.322.400	89.900.000	53.784.000	1.160.000	164.146.400		
28	Hộ gia đình bà Lê Thị Cừ	Thôn Trung Dương	87	87	0,0	13.485.000	0	991.800	67.425.000	41.832.000	870.000	124.603.800		
29	Hộ gia đình bà Lê Thị Tư và những người thừa kế hợp pháp của bà Lê Thị Tư	Thôn Trung Dương	114,7	114,7	0,0	17.778.500	0	1.307.580	88.892.500	7.470.000	1.147.000	116.595.580		
30	Hộ gia đình bà Lê Thị Thanh	Thôn Trung Dương	11,2	0,1	11,1	15.500	0	1.140	77.500	14.940.000	1.000	15.035.140		
31	Hộ gia đình ông Lê Văn Báo và những người thừa kế hợp pháp của ông Lê Văn Báo	Thôn Trung Dương	219	219	0,0	33.945.000	0	2.496.600	169.725.000	13.446.000	2.190.000	221.802.600		
32	Ông Lê Văn Soan	Thôn Trung Dương	88,2	88,2	0,0	13.671.000	0		68.355.000	1.494.000	882.000	84.402.000		
33	Hộ gia đình ông Lê Văn Thu	Thôn Trung Dương	87	87	0,0	13.485.000	0	991.800	67.425.000	17.928.000	870.000	100.699.800		
34	Hộ gia đình ông Lê Văn Thủy và những người thừa kế hợp pháp của ông Lê Văn Thủy	Thôn Trung Dương	94,3	94,3	0,0	14.616.500	0	1.075.020	73.082.500	29.880.000	943.000	119.597.020		
35	Hộ gia đình ông Lê Văn Trinh	Thôn Trung Dương	92	92	0,0	14.260.000	0		71.300.000	5.976.000	920.000	92.456.000		
36	Hộ gia đình ông Lê Văn Ứng	Thôn Trung Dương	56,1	56,1	0,0	8.695.500	0	639.540	43.477.500	5.976.000	561.000	59.349.540		
37	Hộ gia đình ông Lê Xuân Đám và những người thừa kế hợp pháp của ông Lê Xuân Đám	Thôn Trung Dương	139	139	0,0	35.805.000	0	2.633.400	179.025.000	35.856.000	2.310.000	255.629.400		
38	Hộ gia đình ông Ngô Văn Hào và những người thừa kế hợp pháp của ông Ngô Văn Hào	Thôn Trung Dương	0,8	0,8	0,0	10.400.500	0	9.120	52.002.500	59.760.000	671.000	122.843.120		
39	Hộ gia đình ông Ngô Văn Hoảng	Thôn Trung Dương	69	69	0,0	10.695.000	0	786.600	53.475.000	35.856.000	690.000	101.502.600		
40	Hộ gia đình ông Ngô Văn Huy	Thôn Trung Dương	10,1	10,1	0,0	1.565.500	0	115.140	7.827.500	8.964.000	101.000	18.573.140		
41	Hộ gia đình ông Nguyễn Thế Hạnh	Thôn Trung Dương	87	87	0,0	13.485.000	0	991.800	67.425.000	17.928.000	870.000	100.699.800		
42	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Cúc và những người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị Cúc	Thôn Trung Dương	16,9	16,9	0,0	2.619.500	0		13.097.500	10.458.000	169.000	26.344.000		
43	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Định và những người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị Định	Thôn Trung Dương	202	202	0,0	31.310.000	0	2.302.800	156.550.000	17.928.000	2.020.000	210.110.800		
44	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hân và những người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hân	Thôn Trung Dương	115	115	0,0	17.825.000	0	1.311.000	89.125.000	89.640.000	1.150.000	199.051.000		

Số TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)			Tiền bồi thường, hỗ trợ di dời, thu hồi đất (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất				Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác				Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đ)	Ghi chú
			Tổng diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)		Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi là thủy sản (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)	Thưởng tiến độ (đ)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14			
45	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hoàn và những người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hoàn	Thôn Trung Dương	128	128	0,0	19.840.000	0	1.459.200	99.200.000	23.904.000	1.280.000	145.683.200				
46	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim Hải	Thôn Trung Dương	16	16	0,0	2.480.000	0	182.400	12.400.000	4.482.000	160.000	19.704.400				
47	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Khi	Thôn Trung Dương	116	116	0,0	17.980.000	0		89.900.000	11.952.000	1.160.000	120.992.000				
48	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Lăng	Thôn Trung Dương	53,7	53,7	0,0	8.323.500	0		41.617.500	29.880.000	537.000	80.358.000				
49	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Liên và những người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị Liên	Thôn Trung Dương	86	86	0,0	13.330.000	0	980.400	66.650.000	4.482.000	860.000	86.302.400				
50	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Loan	Thôn Trung Dương	80,8	80,8	0,0	12.524.000	0	921.120	62.620.000	7.470.000	808.000	84.343.120				
51	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nga	Thôn Trung Dương	54,6	54,6	0,0	8.463.000	0	622.440	42.315.000	7.470.000	546.000	59.416.440				
52	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nhung	Thôn Trung Dương	116	116	0,0	17.980.000	0	1.322.400	89.900.000	35.856.000	1.160.000	146.218.400				
53	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Phú	Thôn Trung Dương	116	116	0,0	17.980.000	0	1.322.400	89.900.000	14.940.000	1.160.000	125.302.400				
54	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Quyên	Thôn Trung Dương	145,5	145,5	0,0	22.552.500	0	1.658.700	112.762.500	65.736.000	1.455.000	204.164.700				
55	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Tâm	Thôn Trung Dương	180	180	0,0	27.900.000	0		139.500.000	14.940.000	1.800.000	184.140.000				
56	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Tịnh	Thôn Trung Dương	30,4	30,4	0,0	4.712.000	0	346.560	23.560.000	41.832.000	304.000	70.754.560				
57	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Tit và những người thừa kế hợp pháp của bà Nguyễn Thị Tit	Thôn Trung Dương	5	5	0,0	775.000	0	57.000	3.875.000	7.470.000	50.000	12.227.000				
58	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thanh	Thôn Trung Dương	83,2	83,2	0,0	12.896.000	0	948.480	64.480.000	35.856.000	832.000	115.012.480				
59	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thương	Thôn Trung Dương	78	78	0,0	12.090.000	0	889.200	60.450.000	41.832.000	780.000	116.041.200				
60	Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Vũ	Thôn Trung Dương	95,3	95,3	0,0	14.771.500	0	1.086.420	73.857.500	29.880.000	953.000	120.548.420				
61	Bà Nguyễn Thị Yên	Thôn Trung Dương	24,4	24,4	0,0	3.782.000	0	278.160	18.910.000	2.988.000	244.000	26.202.160				
62	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Bằng	Thôn Trung Dương	85,5	85,5	0,0	13.252.500	0	974.700	66.262.500	41.832.000	855.000	123.176.700				
63	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thôn Trung Dương	25	25	0,0	3.875.000	0	285.000	19.375.000	1.494.000	250.000	25.279.000				
64	Ông Nguyễn Văn Khuê	Thôn Trung Dương	167	167	0,0	25.885.000	0		129.425.000	5.976.000	1.670.000	162.956.000				
65	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Khương và những người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Văn Khương	Thôn Trung Dương	86	86	0,0	13.330.000	0		66.650.000	8.964.000	860.000	89.804.000				
66	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Lâm và những người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Văn Lâm	Thôn Trung Dương	115	115	0,0	17.825.000	0	1.311.000	89.125.000	41.832.000	1.150.000	151.243.000				
67	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nghị	Thôn Trung Dương	26,2	26,2	0,0	4.433.000	0	326.040	22.165.000	29.880.000	286.000	57.090.040				
68	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ngọc và những người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Văn Ngọc	Thôn Trung Dương	12,4	12,4	0,0	1.922.000	0	141.360	9.610.000	29.880.000	124.000	41.677.360				
69	Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Tỉnh và những người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Văn Tỉnh	Thôn Trung Dương	91,2	91,2	0,0	14.136.000	0	1.039.680	70.680.000	5.976.000	912.000	92.743.680				
70	Hộ gia đình ông Phan Anh Thuận	Thôn Trung Dương	312	312	0,0	48.360.000	0	3.556.800	241.800.000	56.772.000	3.120.000	353.608.800				
71	Hộ gia đình bà Phan Thị Hạnh	Thôn Trung Dương	79,2	79,2	0,0	12.276.000	0		61.380.000	47.808.000	792.000	122.256.000				
72	Hộ gia đình bà Phan Thị Lam	Thôn Trung Dương	116	116	0,0	17.980.000	0	1.322.400	89.900.000	29.880.000	1.160.000	140.242.400				

Số TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)			Tiền bồi thường, hỗ trợ di dời, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất		Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác			Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận (đ)	Ghi chú
			Tổng diện tích (m2)	Diện tích thu hồi (m2)	Diện tích còn lại (m2)		Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng (đ)	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi là thú săn (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)	Thường tiền độ (đ)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
73	Hộ gia đình bà Phùng Thị Chiên	Thôn Trung Dương	168	168	0,0	26.040.000	0	1.915.200	130.200.000	29.880.000	1.680.000	189.715.200	
74	Hộ gia đình bà Trần Thị Giang và những người thừa kế hợp pháp của bà Trần Thị Giang	Thôn Trung Dương	115	115	0,0	32.116.000	0	2.362.080	160.580.000	11.952.000	2.072.000	209.082.080	
75	Hộ gia đình bà Trần Thị Hào và những người thừa kế hợp pháp của bà Trần Thị Hào	Thôn Trung Dương	145	145	0,0	22.475.000	0	1.653.000	112.375.000	20.916.000	1.450.000	158.869.000	
76	Bà Trần Thị Khánh	Thôn Trung Dương	69	69	0,0	10.695.000	0	0	53.475.000	2.988.000	690.000	67.848.000	
77	Hộ gia đình ông Trần Trọng Tài	Thôn Trung Dương	144	144	0,0	22.320.000	0	0	111.600.000	26.892.000	1.440.000	162.252.000	
78	Ông Trần Quang Triền	Thôn Trung Dương	87	87	0,0	13.485.000	0	0	67.425.000	2.988.000	870.000	84.768.000	
79	Hộ gia đình ông Trần Văn Xuyên và những người thừa kế hợp pháp của ông Trần Văn Xuyên	Thôn Trung Dương	184	184	0,0	64.480.000	0	4.742.400	322.400.000	107.568.000	4.160.000	503.350.400	
80	Bà Vũ Thị Bình	Thôn Trung Dương	232	232	0,0	728.500	0	53.580	3.642.500	1.494.000	47.000	5.965.580	
81	Hộ gia đình bà Vũ Thị Hoa	Thôn Trung Dương	64,5	64,5	0,0	9.997.500	0	735.300	49.987.500	5.976.000	645.000	67.341.300	
82	Hộ gia đình bà Vũ Thị Tuyết và những người thừa kế hợp pháp của bà Vũ Thị Tuyết	Thôn Trung Dương	100,1	100,1	0,0	39.060.000	0	2.748.540	195.300.000	17.928.000	2.520.000	257.556.540	
83	Hộ gia đình ông Vũ Văn Hồng và những người thừa kế hợp pháp của ông Vũ Văn Hồng	Thôn Trung Dương	383,2	61,6	321,6	10.168.000	0	747.840	50.840.000	17.928.000	656.000	80.339.840	
84	Hộ gia đình ông Vũ Văn Bách	Thôn Trung Dương	87	87	0,0	13.485.000	0	0	67.425.000	29.880.000	870.000	111.660.000	
85	Ông Vũ Xuân Minh	Thôn Trung Dương	58,9	58,9	0,0	9.129.500	0	671.460	45.647.500	2.988.000	589.000	59.025.460	
	<b>Tổng</b>		<b>8.729,4</b>	<b>8.199,3</b>	<b>530,1</b>	<b>1.270.891.500</b>	<b>0</b>	<b>67.367.160</b>	<b>6.354.457.500</b>	<b>2.230.542.000</b>	<b>81.993.000</b>	<b>10.005.251.160</b>	

